

NHO GIÁO, MỘT CỘI NGUỒN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Hoàng Ngọc Vinh*, Hoàng Trần Như Ngọc

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế

*Email: hngocvinh@gmail.com

TÓM TẮT

Sinh ra và trưởng thành trong một gia đình nhà Nho yêu nước, ảnh hưởng của Nho giáo ở Hồ Chí Minh là tất nhiên, và Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của Nho giáo rất sâu sắc. Đặc biệt là triết lý tu thân đề cao tu dưỡng đạo đức cá nhân: Đạo đức với mình thì phải nghiêm khắc; đạo đức với người thì phải khoan dung, độ lượng; đạo đức với công việc thì phải tận tâm, tận lực.

Nho giáo chứa đựng nhiều yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ v.v.. là những điều bị Hồ Chí Minh phê phán, bác bỏ. Nhưng Nho giáo cũng có nhiều yếu tố tích cực như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo giúp đời, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đó là ước vọng về một xã hội an ninh, hòa mục, một thế giới đại đồng, triết lý nhân sinh, tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, kế thừa, cải tạo cho phù hợp để phục vụ cách mạng.

Từ khóa: Gia đình nhà Nho yêu nước; Triết lý tu thân; Triết lý nhân sinh

Nho giáo do Khổng Tử sáng lập ở Trung Quốc vào cuối thế kỷ VI trước công nguyên. Ra đời thời Xuân Thu, trong cảnh vương đạo suy vi, bá đạo lấn át vương đạo, tình hình chính trị xã hội, đạo đức, trật tự, kỷ cương xã hội bị đảo lộn, rối loạn, lý tưởng chính trị của Khổng Tử xây dựng dựa trên học thuyết về Nhân - Lễ - Chính danh là nhằm khôi phục lại trật tự, kỷ cương xã hội và đạo đức xã hội rồi ren ấy của Trung Quốc cổ đại. Trong học thuyết ấy, “Nhân” là hạt nhân là nội dung của học thuyết chính trị, “Lễ” là hình thức của “Nhân”, “Chính danh” là con đường đạt tới điều “Nhân”. “Nhân” là kết tinh cao nhất của triết học Khổng Tử.

Nho giáo Trung Quốc đã phát triển qua nhiều thời kỳ. Giai đoạn Khổng Tử - Mạnh Tử - Tuân Tử là giai đoạn sơ kỳ. Ở giai đoạn này, nó không mang tính chất tôn giáo mà mang tính chất một học thuyết chính trị - đạo đức - xã hội, nên gọi là Khổng học hoặc Nho học mới đúng. Nho giáo trở thành một tôn giáo phải tính từ thời Hán Nho, Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho... Từ Hán Nho trở đi Nho học đã biến tướng các tư tưởng của mình cho thích hợp với chế độ phong kiến Trung ương tập quyền Trung Quốc.

Nho giáo vào Việt Nam trong thời đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam là Hán Nho, sau đó là Tống Nho, Minh Nho, nó không còn là tư tưởng Khổng học nữa, mà đã bị tôn

giáo hoá, đặc biệt là sự kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố chính trị và tôn giáo mà Nho giáo đã dần trở thành công cụ đắc lực và chỗ dựa của các triều đại phong kiến Việt Nam, áp bức nhân dân lao động Việt Nam cả trên hai bình diện thế giới quan duy tâm và triết lý đạo đức-chính trị xã hội.

Chính thế, ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Nho giáo đã gặp phải một sự kháng cự mạnh của nhân dân, dân tộc Việt Nam chống Nho giáo trong công cuộc chống Hán hoá của giặc phương Bắc với Việt Nam. Dưới các triều đại Đinh, Ngô, Tiền Lê (Lê Đại Hành), sự phát triển của nước ta đã đặt ra những yêu cầu mới đối với Nho giáo, nhưng các nhà Nho vẫn hiềm hoi và không có vị trí nổi bật trong sinh hoạt xã hội. Nho giáo chỉ mới được coi trọng ở Việt Nam vào thời Lý - Trần, nhưng sự biến đổi về nếp sống và phong tục Việt Nam theo ảnh hưởng của Nho giáo diễn ra rất chậm chạp và ít ỏi. Nho giáo chỉ tồn tại như một sự hiển nhiên của phong kiến triều Trần mà thôi. Trên thực tế, thời kỳ này, Phật giáo giữ địa vị độc tôn trong đời sống tinh thần, văn hóa của dân tộc. Đây là thời kỳ "Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt".

Nho giáo phát triển và có địa vị độc tôn trong đời sống tinh thần và thâm nhập sâu, rộng vào đời sống nhân dân lao động Việt Nam là ở thời Hậu Lê (bắt đầu từ Lê Thái Tổ). Ở thế kỷ XVI trở đi, đặc biệt ở thế kỷ XVII Nho giáo ở Việt Nam suy yếu hẳn. Dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn, ở thế kỷ XIX, Nho giáo mới được khôi phục trở lại địa vị độc tôn trong đời sống tinh thần người Việt, nhưng phát triển mạnh các yếu tố thần học, niềm tin vào số mệnh, vào ma quỷ, thần thánh, các lực lượng siêu nhiên. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Nho giáo bị thực dân Pháp lợi dụng như một công cụ để nô dịch dân tộc Việt Nam. Nhưng, Nho giáo vào Việt Nam trước hết giữ vai trò của một học thuyết chính trị - đạo đức giúp nhà vua trị nước, yên dân và xây dựng một trật tự xã hội phù hợp với cương thường lễ nghĩa. Trong xã hội Việt Nam, hàng Nho sĩ luôn có hai phái Nho xuất (ra làm quan) và Nho xử (không ra làm quan). Phái Nho xuất luôn hướng đến vòng danh lợi, tư tưởng của họ không có gì đặc sắc. Phái Nho xử (đông đảo hơn) dù phức tạp về khuynh hướng, nhưng đều gắng noi gương thánh hiền, mang tư tưởng ưu dân ái quốc.

Hạn chế về thế giới quan của Nho giáo là chủ nghĩa duy tâm khách quan hữu thần. Con người Nho giáo là con người của số phận, định mệnh. Hạn chế về nhân sinh quan của Nho giáo là học thuyết coi thường nhân nhân lao động và coi thường phụ nữ. Nhân dân lao động và phụ nữ trong Nho giáo chỉ là hạng tiểu nhân, là hạng lao lực và là hạng hạ ngu mà thôi. Nhưng trong Nho giáo cũng chứa đựng nhiều yếu tố tích cực. Đặc biệt là triết lý tu thân đề cao tu dưỡng đạo đức cá nhân: Có tu dưỡng đạo đức cá nhân mới tề được gia; có tề được gia mới trị được quốc; có trị được quốc mới bình được thiên hạ. Muốn bình thiên hạ trước hết phải trị được quốc; muốn trị được quốc trước hết phải trị được gia; muốn trị được gia trước hết hãy tu dưỡng đạo đức cá nhân. Như vậy, nếu gạt bỏ các hạn chế về thế giới quan và nhân sinh quan nói trên, tính cách mạng của Nho giáo là ở chỗ: Đạo đức với mình thì phải nghiêm khắc; đạo đức với người thì phải khoan dung, độ lượng; đạo đức với công việc thì phải tận tâm, tận lực.

Hồ Chí Minh sinh ra và trưởng thành trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Năm 1923, Người đã tự giới thiệu tại Liên Xô rằng "Tôi xuất thân từ một gia đình nhà Nho Việt Nam trong

đó các thanh niên đều theo học Đạo Khổng. Năm 1935, tại Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Người lại ghi vào lý lịch của mình “Thành phần gia đình nhà Nho”. Thực tế, trong gia đình Người, ông ngoại là cụ Hoàng Xuân Đường, bố là cụ Nguyễn Sinh Sắc, anh trai là Nguyễn Tất Đạt đều là những nhà Nho yêu nước nổi tiếng của Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, và những người thầy đầu tiên của Người không ai khác mà chính là bố và anh trai của Người. Việc học tập của Người trước năm 1911 chủ yếu đều học ở trường làng. Chính vì vậy, ảnh hưởng của Nho giáo ở Hồ Chí Minh là tất nhiên, và Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng của Nho giáo rất sâu sắc. Đặc biệt là triết lý tu thân đề cao tu dưỡng đạo đức cá nhân: Đạo đức với mình thì phải nghiêm khắc; đạo đức với người thì phải khoan dung, độ lượng; đạo đức với công việc thì phải tận tâm, tận lực.

Những tác phẩm của Hồ Chí Minh viết về Nho giáo không nhiều lắm, nhưng cuộc đời và sự nghiệp của Người có nhiều biểu hiện của sự vận dụng uyên thâm Nho giáo vào Việt Nam theo hướng tích cực, cách mạng. Người thường căn dặn: “Khổng Tử nói: “Minh phải chính tâm tu thân” nghĩa là việc gì cũng phải làm kiểu mẫu; có thể mới “trị quốc bình thiên hạ” được. Trị quốc bình thiên hạ đây tức là ta kháng chiến đánh Pháp, kiến quốc xây dựng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình thế giới. Muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã hội. Lòng mình còn tham ô, lãng phí, muốn cải tạo xã hội làm sao được”¹. “Mọi người đều biết rõ ai là bạn, ai là thù trên thế giới, trong nước và trong mình. Muốn đánh thắng chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù trên thế giới, muốn đánh thắng thực dân và phong kiến địa chủ là kẻ thù trong nước thì trước hết phải đánh thắng lòng tà là kẻ thù trong mình. Phải “chính tâm tu thân” mới có thể “trị quốc bình thiên hạ”²). Đó là một tiên bộ”².

“Chúng ta phải nhớ câu “Chính tâm tu thân” để “trị quốc bình thiên hạ”. Chính tâm tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ gian khổ, vì đó là một cuộc cách mạng trong bản thân của mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng, không phải trong một lớp nghiên cứu vài tháng mà hoàn toàn thắng lợi. Chúng ta phải cố gắng nữa, cố gắng mãi. Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công. Một là tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và quần chúng có thể giúp đỡ mình cải tạo. Hai là tự mình phải có quyết tâm cải tạo thì nhất định cải tạo được.”³

Năm 1921, để cổ vũ cho phong trào dân chủ, đấu tranh cho tự do bình đẳng, bác ái, Người đã viết bài “Phong trào cộng sản quốc tế ở Đông Dương” đăng trên tạp chí Laruvue Communiste số 15 tháng 5/1921. Trong bài này có đoạn về Khổng Tử, Người viết: “Khổng Tử vĩ đại (551TCN) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xoá bỏ nghèo nàn v.v.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, tr 72

² Xem giải thích của Chủ tịch Hồ Chí Minh về câu này ở Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, trang 72.

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, tr 82

³ Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, tr 148

Học trò của Khổng Tử là Mạnh Tử tiếp tục tư tưởng của thầy và vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sản xuất và tiêu thụ, sự bảo vệ và phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động cường bức đối với người lớn, sự lên án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghỉ ngơi của người già, không có điều gì đề án của ông không đề cập đến. Việc thủ tiêu bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải cho một số đông mà cho tất cả mọi người, đây là đường lối kinh tế của vị hiền triết. Trả lời một câu hỏi của Vua, ông đã nói thẳng: “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”⁴.

Bất cứ một ai hiểu về Nho giáo thì chắc chắn là không tán thành Nho giáo tuyên truyền cho sự bình đẳng về tài sản, cho thế giới đại đồng. Nếu Mạnh Tử có nói: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” thì chính Mạnh tử đã rất coi thường người lao động chân tay. Theo Mạnh Tử người lao động chân tay phải phục tùng người lao động trí óc... Dân của Nho giáo chỉ là thần dân, tức là sản vật trời ban cho vua để vua cai trị mà thôi. Ngược lại, dân trong quan niệm của Hồ Chí Minh rất rộng, bao gồm toàn bộ những người lao động và những người yêu nước, bao gồm nhiều giai tầng, tầng lớp, thậm chí có cả người thuộc giai cấp bóc lột. Dân trong quan niệm của Người bao gồm mọi người Việt Nam có chung ý thức dân tộc, lòng yêu nước, hy sinh vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của nhân dân, mà bộ phận nòng cốt là bộ phận trung thành với bản chất giai cấp công nhân. Vậy, khi viết như trên về Khổng Tử, Mạnh Tử không phải Hồ Chí Minh không hiểu về họ, không hiểu về Nho giáo mà chính là Người cần triết lý “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” để làm người cách mạng chân chính, suốt đời là đầy tớ trung thành của nhân dân. Bởi thế mà tác phong cách mạng của Người là “dân là trên hết, thứ đến là lợi ích quốc gia, còn lợi ích của chủ tịch nước thì nói đến mà làm gì”.

Mặt khác, nếu gạt đi những hạn chế, thì quả thật Nho giáo đã trình bày tương đối hoàn chỉnh, có hệ thống về thuyết đại đồng: “Thiên hạ vi công” (Thiên hạ là của công), “Tuyển hiền nhiệm năng” (Lựa chọn người hiền, sử dụng người tài), “Các tận kỳ năng” (Ai nấy dốc hết năng lực của mình”, “Giảng tín tu mục” (Trọng điều tín, chăm lo sự hòa mục), “Các tận kỳ sở” (Ai nấy đều được nhận những gì thích hợp với mình). Đây là những yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng và sự nghiệp cách mạng của Người. Người đã tiếp thu, cách tân nó, áp dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam như là một động lực.

Năm 1925, trong tác phẩm “Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc” do Người chủ biên, viết bằng tiếng Pháp được dịch sang tiếng Nga do nhà xuất bản Matxcova ấn hành, Người đã viết: “Toàn bộ đời sống trí tuệ của người Trung Quốc đều thấm đượm tinh thần Triết học và giáo lý của Khổng tử”⁵. Với nhận xét ấy, năm 1927, khi mà Chính phủ Trung Quốc ra quyết định ngày 15/02/1927 về việc xoá bỏ những nghi lễ tưởng niệm Khổng Tử, Người tỏ ra không tán thành cách làm ấy. Trong bài: “Khổng Tử” viết 20/02/1927 tại Quảng Châu, Người đã xem xét quan điểm của Khổng Tử trong bối cảnh lịch sử của nó và cho rằng, với những quan điểm ấy, Khổng Tử đáng để cho người ta khâm phục. Người cũng vạch cho những người cách mạng

⁴ Xem Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 1, trang 35.

⁵ Xem Sđd, tập 2, trang 372.

Việt Nam cần có một cách nhìn đúng, khách quan, khoa học đối với học thuyết của Khổng Tử, cho dù đến thời đại ngày nay, nó không còn phù hợp nữa. Chúng ta có quyền trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng cũng không nên quên khai thác di sản Khổng Tử. Người viết: “Khổng Tử sống thời Chiến quốc (chi tiết này Người có sự nhầm lẫn, Khổng Tử sống thời Xuân Thu chứ không phải thời Chiến Quốc - HNV), đạo đức của ông, học vấn của ông và những kiến thức của ông làm cho những người cùng thời và hậu thế phải cảm phục. Ông nghiên cứu và học tập không mệt mỏi. Ông không cảm thấy xấu hổ tí nào khi học hỏi người bề dưới, còn việc không được mọi người biết đến đối với ông chẳng quan trọng gì. Công thức nổi tiếng của ông: “Nhìn ngoài, nhìn vào công việc từ chỗ nào đi đến như thế, xem cái người ta đi đến chỗ đó, xét cái người ta hoà lòng, thì người ta giấu làm sao được mình” biểu hiện chiều sâu trí tuệ của ông”⁶.

Người cũng phê phán Khổng Tử “là người phát ngôn bên vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức”. Người cho rằng nếu Khổng Tử sống ở thời chúng ta mà vẫn khư khư giữ ý kiến của mình thì ông ta trở thành phần tử phản cách mạng, nhưng nếu Khổng Tử chịu thích ứng với hoàn cảnh thì rất nhanh chóng có thể là người kế tục trung thành của Lenin. Vì vậy, “còn những người An nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lenin”⁷.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh về Khổng Tử và Nho giáo là rất quý, soi sáng cho chúng ta biết trân trọng khai thác các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại. Ở Hồ Chí Minh, phong cách, tư tưởng, đạo đức của Người có nhiều nét của người quân tử, đại trượng phu: Nếu Nho giáo khuyên người quân tử là “bần bất hoặc nhi hoặc bất quân” thì Người dạy chúng ta “không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng”, “không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên”. Nếu Nho giáo đã từng quan niệm “mệnh trời tức lòng dân”, thì Hồ Chí Minh đã viết vở kịch “Rồng tre” để cảnh cáo Khải Định rằng “dân có quyền truất phế vua bất minh”, hoặc Người thường dạy: “dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được, dân chúng không ủng hộ việc gì làm cũng không nên”⁸. Nếu Nho giáo đã quan niệm “Nước lấy dân làm gốc” thì Hồ Chí Minh nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn chân lý ấy mà khẳng định “Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”⁹. Do vậy, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nhớ “cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà ra... chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân”¹⁰. Người cũng dạy: Mọi cán bộ, đảng viên từ địa phương đến Trung ương đều chỉ là đầy tớ trung thành của nhân dân. Mọi cơ quan của Nhà nước từ địa phương đến Trung ương đều do dân làm chủ. Mọi quyền lực là ở nhân dân. Mọi quyền lợi đều là của nhân dân.

Nếu Nho giáo từng quan niệm đạo đức của người quân tử là “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” thì Hồ Chí Minh nhờ nó mà trong hành trình tìm

⁶ Xem Sdd, tập 2, trang 452-454.

⁷ Xem Sdd, tập 2, trang 452-454.

⁸ Xem Sdd, tập 5, trang 293.

⁹ Xem Sdd, tập 5, trang 410.

¹⁰ Xem Sdd, tập 5, trang 392.

đường cứu nước đã “Không thể nào bị cám dỗ, không thể nào bị khuất phục, cũng như không chịu rập khuôn và không chịu bó tay trước cơn đại họa của nhân dân, không lẩn tránh nguy hiểm và dám quên mình vì nghĩa lớn để làm đúng câu “kiến nguy thụ mệnh, xả thân thủ nghĩa”, đó vốn là những phẩm cách hết sức thanh cao mà anh thư sinh Nguyễn Tất Thành đã biểu hiện ngay lúc ra đi tìm đường cứu nước”¹¹. Khi trở thành lãnh tụ, trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam năm 1951 và sau này trong nhiều văn bản khác, Người thường dạy những cán bộ, đảng viên phải rèn luyện để trở thành những người “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khổ không thể chuyển lay, uy lực không thể khuất phục”¹². Chịu ảnh hưởng “Nhân, Trí, Dũng” của Nho giáo từ trong gia đình mình với sự diu dặt của bố, mà Hồ Chí Minh trong 10 năm đầu lên đường tìm đường cứu nước đã thông thạo nhiều ngôn ngữ của các nước châu Âu và châu Mỹ. Cũng trong hành trình ấy, và trong suốt cuộc đời mình, với “thiên hạ vô nan sự, hữu chí sự cánh thành” tiếp thu được từ gia đình nhà Nho yêu nước của mình, Người đã không bao giờ chùn bước trước những khó khăn. Bằng tấm gương của mình, Người khuyên thanh niên “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí cũng làm nên”¹³.

Nếu Mạnh Tử có tư tưởng “hằng sản hằng tâm” thì Hồ Chí Minh cũng thường dạy chúng ta: có thực mới vực được đạo nên phải đẩy mạnh sản xuất. Nếu Nho giáo rất nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ không thể chia cắt giữa rèn luyện bản thân với trị quốc bằng mối quan hệ bản chất tác động làm tiền đề cho nhau giữa các khâu cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, thì Hồ Chí Minh vẫn thường dạy: muốn cải tạo thế giới thì trước hết phải cải tạo bản thân chúng ta, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, phải trung với nước, phải hiếu với dân...

Từ đó phải thấy rằng những quan niệm về chính trị, đạo đức của Nho giáo đã được Hồ Chí Minh mở rộng, nâng cao, cải tạo, hoàn thiện nó với những nội dung mới phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam trong thời đại mới. Tiếp thu Nho giáo một cách có phê phán, Người khẳng định: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là tu dưỡng đạo đức cá nhân”, tự nhận mình là một học trò nhỏ của Khổng Tử và coi đó là một bài học rèn luyện đạo đức cá nhân, mà bản thân Người là tấm gương sáng của tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cá nhân.

Trong nhiều bài nói và viết, Người thường trích dẫn những câu trong sách Khổng Tử, nhưng vận dụng nó một cách sáng tạo và tài tình vào nhiệm vụ mới của đất nước, của cách mạng. Chẳng hạn, từ năm 1924, Người đã lấy câu “tứ hải giai huynh đệ” để nêu bật “các dân tộc phương Đông đã coi Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể”¹⁴. Năm 1927, trong “Đường Kách mệnh”, Người nhấn mạnh: “Làm cho thiên hạ đại đồng, ấy là thế giới kách mệnh”¹⁵. Người cũng đã vận dụng câu “dĩ dân vi bản” của Khổng Tử mà tiếp thu lời dạy của Lênin: “Muốn cách mạng thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc”¹⁶. Khi nhấn mạnh

¹¹ Nho giáo xưa và nay, Vũ Khiêu (chủ biên), Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội 1990, trang 231.

¹² Hồ Chí Minh toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 184.

¹³ Xem Sđđ, tập 6, trang 95

¹⁴ Sđđ, tập 1, trang 295.

¹⁵ Sđđ, tập 2, trang 266.

nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ Người dạy: “vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”, “muốn có chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”, thì ở đó Người đã vận dụng tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, của Nho giáo rồi. Hồ Chí Minh đã gạt bỏ những tiêu cực của Nho giáo, kế thừa và phát huy các giá trị tích cực về nhân văn của Nho giáo: đề cao tính người qua Tam cương, Ngũ thường; biết trọng sự sống và giá trị sự sống của con người; thừa nhận khát vọng hạnh phúc và tìm hết cách đáp ứng hạnh phúc của con người.

Nho giáo chứa đựng nhiều yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như tư tưởng đẳng cấp, khinh lao động chân tay, khinh phụ nữ ... là những điều thường bị Hồ Chí Minh phê phán, bác bỏ. Nhưng Nho giáo cũng có nhiều yếu tố tích cực như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo giúp đời, lý tưởng về một xã hội bình trị. Đó là ước vọng về một xã hội an ninh, hòa mục, một thế giới đại đồng, triết lý nhân sinh, tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học. Đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, kế thừa, cải tạo cho phù hợp để phục vụ cách mạng. Người dẫn lời của Lênin: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”¹⁷.

Hồ Chí Minh đã sử dụng tài tình nhiều khái niệm, phạm trù đạo đức của Nho giáo để quy định những chuẩn mực đạo đức con người mới xã hội ở Việt Nam. Những khái niệm, phạm trù đạo đức ấy ở Hồ Chí Minh nó đã được bổ sung những nội dung mới phù hợp với dân tộc, thời đại và cách mạng. Đồng thời Người cũng đã bổ sung những khái niệm, phạm trù đạo đức của thời đại mới vào tư tưởng đạo đức mới của mình. Những giá trị đạo đức mới của Người đã hòa nhập với những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, đồng thời làm cho những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được nâng lên tầm cao mới: truyền thống kết hợp với hiện đại, dân tộc kết hợp với nhân loại. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Người đề ra một khẩu hiệu cho cuộc vận động đời sống mới là “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”. Người luôn chỉ rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam là: “muốn xây dựng một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính”¹⁸, một trong những phẩm chất của con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam do Người quy định cũng là “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công, Vô tư” nhưng đã được Người cách mạng nó cho phù hợp với dân tộc Việt Nam và thời đại mới. Phạm trù Trung-Hiếu của Nho giáo đã được Hồ Chí Minh cách mạng thành một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là “Trung với nước, hiếu với dân”. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước do dân làm chủ nên trung với nước đồng thời là hiếu với dân. Hiếu với dân không còn lại ở thương dân với tính chất là đối tượng cần phải dạy dỗ, ban ơn, mà là đối tượng phải phục vụ hết lòng. Phải gần dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc.

Người dạy: Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng¹⁹. Đối với cán bộ, đảng viên, điều đó là tận trung với nước, tận hiếu

¹⁶ Sđd, tập 2, trang 280.

¹⁷ Xem Sđd, tập 6, trang 46.

¹⁸ Xem Sđd, tập 6, trang 494.

Nho giáo, một trong những cội nguồn văn hóa phương Đông của tư tưởng Hồ Chí Minh

với dân, vì họ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 1, trang 35, 295.
- [2]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 2, trang 266, 280, 372, 452-454.
- [3]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 5, trang 293, 392, 410.
- [4]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 46, 95, 184, 494.
- [5]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, tr 72, 82, 148,.
- [6]. *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 11, trang 350, 504-505.
- [7]. *Nho giáo xưa và nay*, Vũ Khiêu (chủ biên), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1990, trang 231.

CONFUCIANISM, AN ORIENTAL CULTURAL ROOT IN HO CHI MINH'S IDEOLOGY

Hoang Ngoc Vinh*, Hoang Tran Nhu Ngoc

Department of Philosophy, Hue University of Sciences

**Email: hngocvinh@gmail.com*

ABSTRACT

Born and grew up in a patriotic Confucian family, so influence of Confucianism in Ho Chi Minh is necessary, and in turn, Ho Chi Minh was profound influenced by Confucianism. Especially, philosophies of self-improve that emphasize to exercise personal morals: Morals means that must be strict with yourself, must be tolerant and generous with the others; must be dedicated and wholehearted in work.

Confucianism contains many reactionary, backward and idealistic elements such as ideas of class distinction, despised manual labor, devalued women, etc... HCM often criticized and dismissed these elements. However, Confucianism has some positive factors such as philosophies of action, of enter into life, of practise morals to help others, and the ideal of a hamonious society. It is a desire of a social which security and peace, of a harmonious world, of living philosophy, self-improve and character maintenance; promote culture and ceremonies, and traditional fondness of learning. Those are the things that Ho Chi Minh chose to inherit and transform in comformity with the revolution.

Keywords: *Family Confucian patriotism; Philosophy of self-improvement; Personal philosophy.*

¹⁹ Xem Sdd, tập 11, trang 350, 504-505.